

Số: 182/ĐA-TTYT

Xuyên Mộc, ngày 11 tháng 5 năm 2020

ĐỀ ÁN
**NÂNG QUY MÔ GIƯỜNG BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN XUYÊN MỘC TỪ 170 GIƯỜNG LÊN 220 GIƯỜNG**

I. SƠ LƯỢC TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG:

1. Các thông tin chung:

- Tên cơ sở: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUYÊN MỘC**
- Quyết định thành lập số 492/QĐ-UBT ngày 09/9/1992 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thành lập Trung tâm Y tế.
- Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc.
- Địa chỉ: Số 338, quốc lộ 55, khu phố Thạnh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Diện tích: 22.124 m²
- Số điện thoại: 02543.874.528.
- Fax: 02543.874.528.
- Email: ttytxuyenmoc@gmail.com
- Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
- Ngành nghề hoạt động: Phòng bệnh và khám chữa bệnh.

2. Tóm tắt quá trình phát triển:

Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc được thành lập từ năm 1992 theo Quyết định số 492/QĐ-YT ngày 09/9/1992 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trên cơ sở hợp nhất Phòng Y tế và Bệnh viện huyện Xuyên Mộc. Do địa bàn ở xa các cơ sở y tế tuyến trên nên hầu hết bệnh nhân trong huyện đều đến khám và điều trị tại Trung tâm Y tế. Ngoài ra, bệnh nhân ở các địa phương và cơ quan lân cận (xã Thăng Hải của huyện Hàm Tân, xã Láng Dài của huyện Đất Đỏ, Trại giam T345-Bộ Công an) cũng đến khám và điều trị, nên số lượng bệnh nhân rất đông, Trung tâm Y tế luôn trong tình trạng quá tải và phải tiếp nhận điều trị nhiều loại bệnh đa dạng, nặng và phức tạp.

Trong những năm qua, Trung tâm Y tế luôn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Sở Y tế giao.

- Về cơ sở vật chất: được sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo các cấp, Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc được xây dựng vào năm 1988 với cơ sở nhà cấp 4; năm 1998 Trung tâm Y tế được xây dựng lại với cơ sở 1 trệt, 1 lầu đạt công năng 50 giường bệnh; năm 2005 được xây dựng thêm khoa Phụ sản và khu kiểm soát nhiễm khuẩn để nâng công năng lên 70 giường bệnh; năm 2009 Trung tâm Y tế được cải tạo, nâng cấp (Khu xây dựng năm 1998) và xây thêm khu khám bệnh, xét nghiệm và khoa Dược để đạt công năng 100 giường bệnh. Năm 2018, Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc được

thi công nâng cấp, mở rộng cơ sở lên quy mô 200 giường bệnh, hoàn thành trong năm 2020.

- Về chỉ tiêu giường nội trú:

+ Năm 1992 Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc được thành lập trên cơ sở bệnh viện 50 giường bệnh;

+ Năm 1998: được nâng từ 50 giường bệnh lên 70 giường bệnh;

+ Năm 2002: được nâng từ 70 giường bệnh lên 100 giường bệnh;

+ Năm 2010: được nâng từ 100 giường bệnh lên 150 giường bệnh.

+ Năm 2019: Trung tâm Y tế có quy mô 170 giường bệnh (nhập thêm chỉ tiêu 20 giường bệnh của 02 Phòng khám đa khoa khu vực đã giải thể).

Công tác chuyên môn từng bước được đầu tư và củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả điều trị, giải quyết được những trường hợp bệnh nặng và phức tạp trước đây phải chuyển viện lên tuyến trên, tạo niềm tin đối với nhân dân trong vùng.

- Về lĩnh vực hồi sức cấp cứu: đã trang bị nhiều máy móc: Máy Monitoring, máy sốc điện phá rung, máy lọc thận nhân tạo, máy giúp thở, máy truyền dịch tự động, bơm tiêm tự động..., đã điều trị được các trường hợp suy hô hấp do suyễn nặng, thiếu máu cơ tim, điều trị những trường hợp sốt xuất huyết có choáng, những trường hợp choáng tim, choáng do giảm thể tích, choáng nhiễm trùng,...

- Về lĩnh vực ngoại khoa: thực hiện các phẫu thuật nội soi ruột thừa, phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo, cắt lách vỡ, khâu vỡ gan do chấn thương, khâu lỗ thủng dạ dày, viêm phúc mạc toàn thể, cắt đoạn ruột, mổ kết hợp gãy xương đùi và các loại phẫu thuật chỉnh hình khác, mổ thoát vị bẹn...

- Về lĩnh vực sản phụ khoa: đỡ đẻ thành công các trường hợp đẻ khó, thực hiện các loại phẫu thuật mổ bắt con lần II, III, mổ cấp cứu thai ngoài tử cung vỡ có choáng, mổ cắt tử cung bán phần, toàn phần, bóc nhân xơ tử cung, mổ cắt u nang buồng trứng, soi cổ tử cung, điều trị vàng da sơ sinh.

- Về cận lâm sàng: ngoài những kỹ thuật thông thường, đã triển khai thêm máy xét nghiệm huyết học tự động, sinh hóa tự động, X quang kỹ thuật số, X quang tuyến vú, CT-scanner, siêu âm tuyến giáp, vùng hạch cổ, siêu âm doppler tim, mạch máu, đo chức năng hô hấp, đo mật độ xương, nội soi dạ dày tá tràng, nuôi cấy vi khuẩn, làm kháng sinh đồ để phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị.

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc đã triển khai mô hình Phòng khám Y học gia đình cả tuyến huyện và xã, thực hiện tư vấn phòng bệnh, khám sàng lọc, quản lý và điều trị các bệnh không lây, khám sức khỏe người cao tuổi, lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

Hàng năm Trung tâm Y tế đều có triển khai công tác nghiên cứu khoa học và đúc kết những kinh nghiệm trong công tác quản lý và công tác chuyên môn, ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào công tác chuyên môn để nâng cao chất lượng điều trị.

Thực hiện công tác chỉ đạo tuyến, tăng cường cán bộ chuyên môn hỗ trợ tuyến xã, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe để cung cấp thông tin và kiến thức để mọi người hiểu biết về các loại dịch bệnh và các biện pháp phòng chống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng.

Đến nay, Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc được xếp hạng II theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, được thẩm định lại vào cuối năm 2019 với kết quả đủ tiêu chuẩn (theo Tờ trình số 37/TTr-SYT ngày 05/3/2020 của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

3. Tóm tắt hoạt động năm 2015-2019:

3.1. Chức năng, nhiệm vụ:

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc với quy mô 150 giường đảm trách các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

a. Cấp cứu - khám, chữa bệnh:

- Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc các trạm Y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng nội trú và ngoại trú; chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh.

- Tổ chức khám và cấp giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước.

- Có trách nhiệm giải quyết các bệnh tật nội khoa và nhi khoa thông thường, phẫu thuật cấp cứu và chương trình các bệnh lý của các chuyên khoa ngoại, sản, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt; khám và điều trị theo nguyên lý Y học gia đình, khám quản lý sức khỏe người cao tuổi; thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ công tác khám chữa bệnh, điều trị.

- Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của bệnh viện.

b. Đào tạo cán bộ y tế:

- Trung tâm Y tế là cơ sở thực hành cho học sinh trường Trung học, Cao đẳng y tế.

- Tổ chức đào tạo liên tục, đào tạo lại cho các nhân viên trong bệnh viện và tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành, chăm sóc sức khỏe ban đầu.

c. Nghiên cứu khoa học về y học:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá các đề tài về công tác quản lý, điều trị và chăm sóc.

- Tham gia các công trình nghiên cứu về lâm sàng, y tế cộng đồng và dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cấp tỉnh và cấp cơ sở.

- Nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc vào công tác khám chữa bệnh.

d. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật:

- Lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến dưới (trạm Y tế) thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị.

- Tổ chức chỉ đạo các trạm Y tế xã, thị trấn thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế địa phương.

e. Phòng bệnh:

- Thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng chống dịch, đặc biệt các bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm.

- Tiêm chủng phòng bệnh, y tế trường học.

- Quản lý, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, môi trường, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; giám sát vệ sinh nước ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng, phòng chống ngộ độc thực phẩm, tham gia thẩm định các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

- Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

f. Hợp tác quốc tế:

- Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở nước ngoài theo đúng quy định của Nhà nước.

g. Quản lý kinh tế y tế:

- Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí.

- Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư của nước ngoài và các tổ chức kinh tế.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách. Thực hiện tốt Nghị định 43/CP của Chính phủ để tự chủ một phần kinh phí hoạt động, từng bước thực hiện hạch toán chi phí khám chữa bệnh, tạo nguồn thu, tăng thu nhập cho CBVC của đơn vị.

h. Nhiệm vụ khác:

- Thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, các dự án, đề án, chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện quản lý cán bộ, chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của cấp trên.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở y tế và UBND huyện giao.

3.2. Cơ cấu tổ chức:

Thực hiện nội dung Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc. Tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc bao gồm:

a) Các phòng chức năng:

- Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ
- Phòng Tổ chức-Hành chính
- Phòng Tài chính-Kế toán
- Phòng Điều dưỡng-Công tác xã hội
- Phòng Dân số

b) Các khoa chuyên môn:

- Khoa Khám bệnh
- Khoa Hồi sức cấp cứu
- Khoa Nội-Nhi
- Khoa Truyền nhiễm
- Khoa Ngoại tổng hợp
- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
- Khoa Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng
- Khoa Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS
- Khoa Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
- Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

c) 13 trạm Y tế xã, thị trấn.

3.3. Nhân lực:

- **Tổng số công chức, viên chức:** 317, gồm 34 bác sĩ (chiếm 10,73%), 214 y sỹ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên (chiếm 67,51%), số còn lại 69 là nhân viên khác (chiếm tỷ lệ 21,76%) bao gồm các ngành chuyên môn như: dược sỹ, hành chính, kế toán, nhân viên kỹ thuật, hộ lý, bảo vệ và nhân viên phục vụ....

- **Trình độ chuyên môn:**

- + Sau đại học : 18 (chiếm 5,68%)
- + Đại học, cao đẳng : 127 (chiếm 40,06%)
- + Trung cấp : 132 (chiếm 41,64%)
- + Khác : 40 (chiếm 12,62%)

3.4. Tình hình khám, chữa bệnh:

Trong các năm từ 2015 đến 2019 các chỉ số hoạt động bệnh viện đều thực hiện vượt các chỉ tiêu trên giao. Tỷ lệ khám bệnh ngoại trú vượt chỉ tiêu Sở Y tế giao từ 27% đến 43%. Điều trị nội trú vượt chỉ tiêu Sở Y tế giao từ 8% đến 50%. Trong khi đó các nguồn lực đầu vào chưa được đáp ứng tương xứng, vì vậy hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện luôn trong tình trạng quá tải.

Xem Phụ lục I:

- Bảng 1: Tình hình khám chữa bệnh từ năm 2015 đến 2019.

- Bảng 2: Công suất sử dụng giường bệnh từ năm 2015 đến 2019.

3.5. Kinh phí hoạt động từ năm 2015 đến 2019: Xem Phụ lục II.

II. SỰ CẦN THIẾT TĂNG THÊM GIƯỜNG BỆNH:

1. Trong những năm gần đây, cùng với sự tăng trưởng kinh tế không ngừng đã đưa đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, từ đó nhu cầu về chăm sóc sức khỏe cũng ngày một tăng. Các bệnh mãn tính, lão suy, rối loạn chức năng, các bệnh do sang chấn tâm lý, ... ngày càng tăng. Đồng thời các bệnh dịch ngày càng diễn biến phức tạp, đặc biệt gần đây nhất là dịch Covid-19 mới nổi, bên cạnh các bệnh nhiễm trùng, nhiều bệnh mới phát sinh với số lượng, tần suất ngày càng tăng như bệnh tim mạch, tăng huyết áp, ung thư, tai nạn,... Từ đó, đòi hỏi cần phải chuyên môn hoá các lĩnh vực điều trị và chăm sóc để đáp ứng nhu cầu người bệnh.

2. Tình trạng quá tải tại bệnh viện luôn ở mức khá cao, qua số liệu thống kê từ năm 2015 đến 2019, công suất sử dụng giường bệnh đều vượt chỉ tiêu giao, đặc biệt là tại Khoa Nội-Nhi, Khoa Khám bệnh, Khoa Hồi sức cấp cứu tỷ lệ này rất cao.

3. Đến cuối năm 2019, số giường bệnh bình quân/10.000 dân cả nước là 27,5. (Báo cáo Số 1611/BC-BYT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế tổng kết công tác y tế năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2020).

Tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đến cuối năm 2019, bình quân giường bệnh/10.000 dân là 20,09, thấp hơn so với mức bình quân cả nước. Theo Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 23/10/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra chỉ tiêu: “Đến năm 2020 có 26 giường và 8,5 bác sĩ trên vạn dân”. Hiện nay, tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân của huyện Xuyên Mộc là 11,3, thấp hơn nhiều so với bình quân toàn tỉnh và cả nước. Do đó, việc nâng giường bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc nhằm mục đích nâng mức thụ hưởng của người dân về các dịch vụ khám chữa bệnh và góp phần tạo điều kiện cho ngành Y tế đạt được chỉ tiêu Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã đề ra.

Từ những nhận xét và đánh giá nêu trên cho thấy việc tăng thêm 50 giường bệnh cho Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc, đưa số giường bệnh của đơn vị lên từ 170 giường lên 220 giường bệnh trong giai đoạn hiện nay là cần thiết và cấp bách.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ NÂNG GIƯỜNG BỆNH:

1. Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước;
3. Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ.
4. Quyết định số 243/2005/QĐ-TTg ngày 05/10/2005 của Thủ tướng chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới;
5. Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (...Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số dân từ 1 triệu người trở lên, có thể thành lập các bệnh viện chuyên khoa như: phụ - sản, nhi);
6. Quyết định số 15/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2006 - 2015, định hướng đến năm 2020;
7. Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg, ngày 22/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;
8. Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;
9. Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 05/11/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu v/v phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;
10. Công văn số 3056/UBND-VP ngày 13/5/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc chủ trương đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc lên quy mô 200 giường;
11. Quyết định 2998/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc.
12. Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải thể 05 phòng khám đa khoa khu vực thuộc Trung tâm Y tế huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
13. Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc.
14. Công văn số 59/BQLDA ngày 20/4/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Xuyên Mộc về việc kế hoạch triển khai thi công và thời gian bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục công trình nâng cấp, mở rộng trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc.

IV. ĐỀ ÁN NÂNG GIƯỜNG BỆNH:

1. MỤC TIÊU:

1.1. Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện Xuyên Mộc.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Nâng quy mô giường bệnh cho Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc từ 170 giường lên 220 giường trong năm 2020.

- Chuẩn bị các nguồn lực để đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của bệnh viện hạng hai.

2. NỘI DUNG ĐỀ ÁN:

2.1. Tên đề án :

“ĐỀ ÁN NÂNG QUY MÔ GIƯỜNG BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUYÊN MỘC TỪ 150 GIƯỜNG LÊN 200 GIƯỜNG”

2.2. Quy mô:

Nâng giường bệnh cho Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc từ 170 lên 220, trong đó 50 giường bệnh tăng thêm cho các khoa: Hồi sức cấp cứu; Nội-Nhi; Truyền nhiễm; Ngoại tổng hợp; Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Khoa Y học cổ truyền & Phục hồi chức năng.

Cơ cấu giường bệnh tăng thêm được phân bổ theo bảng dưới đây:

TT	Khoa lâm sàng	Số giường hiện tại	Số giường tăng thêm	Tổng cộng	Ghi chú
01	Khoa Hồi sức cấp cứu	10	10	20	
02	Khoa Truyền nhiễm	30	05	35	
03	Khoa Nội-Nhi	55	15	70	Dự kiến tách thành 2 khoa: Nội và Nhi vào năm 2021
04	Khoa Ngoại tổng hợp	30	05	35	Dự kiến tách thành 2 khoa: Ngoại và Phẫu thuật-Gây mê hồi sức vào năm 2021
05	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	35	05	40	
06	Khoa YHCT&PHCN	10	10	20	
Cộng		170	50	220	

Ghi chú: Dự kiến sau khi hoàn thành dự án nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất trung tâm Y tế, từ năm 2021 sẽ chia tách, thành lập thêm khoa chuyên môn như sau:

- Tách khoa Nội-Nhi với 70 giường bệnh thành 2 khoa: Khoa Nội có 35 giường bệnh, khoa Nhi có 35 giường bệnh.

- Tách khoa Ngoại tổng hợp với 35 giường bệnh thành 2 khoa: Khoa Ngoại có 25 giường bệnh, khoa Phẫu thuật-Gây mê hồi sức có 10 giường bệnh.

2.3. Nguồn lực:

2.3.1. Nhân lực:

- Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày

8/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Đồng thời vận dụng Thông tư 08/2008/TTLB. BHYT-BNV của liên bộ Y tế - Lao động, thương binh, xã hội và Nội vụ trước đây về định mức biên chế cho đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc xây dựng số lượng người làm việc theo nhu cầu vị trí việc làm cho Trung tâm Y tế - đơn vị tương đương bệnh viện đa khoa hạng II, 220 giường bệnh như sau:

+ Số lượng người làm việc cho Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc có 200 giường bệnh theo đề án vị trí việc làm đã trình Sở Nội vụ năm 2014 là 508, trong đó gồm: 468 CCVC và 40 HĐLĐ 68 (trong đó có đề xuất 13 Bảo vệ cho 13 Trạm y tế).

Bộ phận khám chữa bệnh tại TTYT	Đội Y tế dự phòng và Đội Chăm sóc Sức khỏe sinh sản	Tổng cộng	13 Trạm Y tế	Hợp đồng 161/ NĐ-CP	Tổng cộng
$\{[200*20% * ((1,25+1,55)/2)] + [200*80% * ((1,5+1,7)/2)]\} = 312$	+ $[(31+35)/2 * 84\%] = 28$	= 340	+ 128	+ 40	= 508
Áp dụng định mức đối với đơn vị tương đương bệnh viện hạng II, 200 giường bệnh	Áp dụng định mức chuyên môn đối với TTYT dự phòng huyện có số dân > 100.000 – 150.000				

2.3.2. Trang thiết bị y tế

Trước mắt, Trung tâm Y tế sẽ sắp xếp, điều chuyển số trang thiết bị y tế hiện có để tăng cường cho các khoa lâm sàng có giường bệnh tăng thêm, đồng thời đề nghị Sở Y tế mua sắm, bổ sung trang thiết bị theo định mức trang thiết bị y tế chuyên dùng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Về lâu dài, Trung tâm Y tế sẽ xây dựng kế hoạch bổ sung trang thiết bị cho phù hợp với cơ sở y tế tương đương bệnh viện hạng II theo từng giai đoạn và hàng năm sẽ lựa chọn ưu tiên trình Sở Y tế trang bị thêm để đảm bảo hoạt động và nhu cầu bệnh tật.

2.3.3. Cơ sở vật chất:

Hiện nay dự án cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất của Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc lên quy mô 200 giường đã hoàn thiện gần 80%, sẽ bàn giao từng hạng mục hoàn thành theo tiến độ thi công từ tháng 5/2020 và dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án trong năm 2020.

V. KẾT LUẬN:

Với nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân ngày càng tăng và tình hình các nguồn lực phục vụ hiện nay tại Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc, thì việc nâng thêm 50 giường bệnh cho Trung tâm Y tế là cần thiết, mang lại hiệu quả sau:

- Trung tâm Y tế có đủ nguồn lực để phục vụ, nhằm giảm tình trạng quá tải như hiện nay và góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng khám, điều trị cho bệnh nhân.

- Trung tâm Y tế ổn định về cơ cấu tổ chức khoa phòng, điều hòa về nhân lực giữa nội trú và ngoại trú, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để từng bước phát triển chuyên môn, kỹ thuật.

- Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với chất lượng đòi hỏi ngày càng cao của nhân dân, góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu giường bệnh/10.000 dân trong tương lai gần theo kế hoạch của ngành Y tế tỉnh nhà, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

VI. KIẾN NGHỊ SỞ Y TẾ: Xem xét, đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

- Phê duyệt “Đề án nâng quy mô giường bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc từ 170 giường lên 220 giường”.

- Phân bổ thêm nhân sự cho 50 giường bệnh tăng thêm sau khi được phê duyệt.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh BR-VT;
- GD, các PGD;
- Các khoa, phòng, TYT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

BS CKII. Hồ Văn Hải

PHỤ LỤC I**Số liệu Khám chữa bệnh từ 2015 đến 2019****Bảng 1: Tình hình khám chữa bệnh từ năm 2015 đến 2019**

Nội dung	2015			2016			2017			2018			2019		
	Chi tiêu	Thực hiện	Đạt %	Chi tiêu	Thực hiện	Đạt %	Chi tiêu	Thực hiện	Đạt %	Chi tiêu	Thực hiện	Đạt %	Chi tiêu	Thực hiện	Đạt %
Tổng số lần khám bệnh	140.000	178.378	127,4	140.000	201.206	143,7	150.000	196.792	131	150.000	194.297	129,5	150.000	191.457	127,6
Tổng số bệnh nhân nội trú	14.000	22.198	158	14.000	20.996	150	18.250	18.186	99,6	18.250	16.099	88,2	13.688	14.694	107,3
Tổng số ngày điều trị nội trú	45.000	60.117	133	45.080	59.460	131,9	58.400	56.782	97,2	58.400	51.058	87,4	43.800	44.350	101,2
Ngày điều trị trung bình	3,2	2,7	84,3	3,2	2,8	87,5	3,2	3,1	96,8	3,2	3,1	96,8	3,2	3,01	94
CS SDGB (%)	80%	109,8	109,8	80	108,6	108,6	80	103,7	103,7	80	93,2	93,2	80	81	81
Tổng số lần phẫu thuật	3.000	4.963	165,4	3.000	4038	134,6	4000	5370	134	4000	4885	122	4000	5593	139,8

Bảng 2: Công suất sử dụng giường bệnh từ năm 2015 đến 2019

TT	Khoa lâm sàng	Chi tiêu		Công suất sử dụng giường bệnh (%)					Ghi chú
		Giường bệnh	Công suất giường bệnh (%)	2015	2016	2017	2018	Bình quân	
01	Khoa Khám bệnh – Cấp cứu	10	80	178	125,2	102,4	102,5	127,0	
02	Khoa Nội tổng hợp	70	80	128	139,3	127,8	80,2	118,8	
03	Khoa Ngoại – Phòng mổ	25	80	105	93,4	97,5	66,6	90,6	
04	Khoa Phụ sản	35	80	78,5	70,9	75,2	51,7	69,1	
05	Khoa PHCN – YHCT	10	80	28,4	63,6	51,2	43,2	46,6	
Cộng		150	80	109,8	108,6	103,7	93,2	103,8	

TT	Khoa lâm sàng	Chi tiêu		Công suất sử dụng giường bệnh (%)	Ghi chú
		Giường bệnh	Công suất giường bệnh (%)	2019	
01	Khoa Hồi sức cấp cứu	10	80	105	
02	Khoa Nội-Nhi	45	80	134	
03	Khoa Truyền nhiễm	25	80	58,3	
04	Khoa Ngoại tổng hợp	25	80	62,6	
05	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	35	80	48,4	
06	Khoa YHCT&PHCN	10	80	34,2	
Cộng		150	80	81	

PHỤ LỤC II
Kinh phí hoạt động từ năm 2015 đến 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	2015		2016		2017		2018		2019	
	T.Số	Tỷ lệ	T.Số	Tỷ lệ	T.Số	Tỷ lệ	T.Số	Tỷ lệ	T.Số	Tỷ lệ
- Tổng thu:	59.871	100,0	72.361	100,0	85.540	100,0	75.578	100,0	75.812	100,0
+ Ngân sách địa phương cấp	27.508	45,9	29.658	41,0	23.233	27,2	19.608	25,9	21.342	28,2
+ Nguồn viện phí	32.363	54,1	42.703	59,0	62.307	72,8	55.97	74,1	54.47	71,8
* Thu trực tiếp từ người bệnh:	7.832	24,2	7.738	18,1	7.207	4,5	7.755	13,9	8.245	15,1
* Thu từ BHYT:	24.53	75,8	34.964	81,9	55.100	88,4	48.215	86,1	46.225	84,9
- Tổng chi:	59.63	100,0	70.41	100,0	80.69	100,0	77.31	100,0	75.89	100,0
+ Chi tiền thuốc, hóa chất, máu.	29.229	49,0	29.968	42,6	36.777	45,6	36.568	47,3	33.682	44,4
+ Chi cho nhân lực	22.545	37,8	30.543	43,4	32.086	39,8	32.982	42,7	34.337	45,2
+ Chi hoạt động khác.	7.857	13,2	9.898	14,1	11.831	14,7	7.758	10,0	7.867	10,4